

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh và đề xuất, kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Ủy ban Dân tộc.

Trên cơ sở các quy định về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; đồng thời, các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh đã và đang đẩy mạnh triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với đẩy mạnh thực hiện giải ngân nguồn vốn các chương trình theo kế hoạch.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh một số khó khăn, vướng mắc; do đó, để kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo kết quả nổi bật thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh và kiến nghị, đề xuất các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, xem xét giải quyết, tháo gỡ cho địa phương, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tình hình huy động, phân bổ nguồn vốn.

1.1. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Vốn NSTW đã giao tỉnh Bình Định: 1.268.361 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đã giao: 1.147.973 triệu đồng (Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày

28/5/2022).

+ Vốn NSTW giao bổ sung: 120.388 triệu đồng (Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 200.000 triệu đồng.

b) Năm 2021: UBND tỉnh đã giao vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 49.0000 triệu đồng, trong đó hỗ trợ các xã thực hiện nông thôn mới nâng cao: 14.000 triệu đồng.

c) Năm 2022: UBND tỉnh đã giao vốn NSTW và nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh cho 03 chương trình¹, cụ thể:

+ Vốn NSTW: 305.055 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 84.116 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 84.449 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 136.490 triệu đồng.

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 60.000 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 38.000 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 11.000 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 11.000 triệu đồng.

d) Năm 2023: UBND tỉnh đã giao vốn NSTW và nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh cho 03 chương trình tại Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh, cụ thể:

+ Vốn NSTW là 337.168 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 112.694 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 118.844 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 105.630 triệu đồng.

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 40.000 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 16.905 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 17.827 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 5.268 triệu đồng.

1.2. Kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp

- Giai đoạn 2021-2025: Vốn sự nghiệp nguồn NSTW sẽ được Trung ương giao theo từng năm.

- Năm 2022: UBND tỉnh đã giao vốn sự nghiệp nguồn NSTW là 137.702 triệu đồng, cụ thể:

¹ - Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022, phân bổ chi tiết nguồn vốn NSTW.

- Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 (CTMTQG GNBV và CTMTQG DTTS&MN); Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 2/3/2022; Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 14/5/2022; Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 (CTMTQG XDNTM), phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh.

+ Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 62.940 triệu đồng;

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 44.792 triệu đồng;

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 29.970 triệu đồng.

- Năm 2023: UBND tỉnh đã giao vốn sự nghiệp nguồn NSTW và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh cho 03 chương trình², cụ thể:

+ Vốn sự nghiệp nguồn NSTW là 282.155 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 138.377 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 109.818 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 33.960 triệu đồng.

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 37.072,5 triệu đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 18.600 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 13.378,5 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 5.094 triệu đồng.

Ngoài nguồn vốn ngân sách Trung ương và nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, còn có sự lồng ghép của các Chương trình, Đề án khác cũng như vốn đối ứng của ngân sách huyện, xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện hiệu quả Chương trình.

2. Kết quả giải ngân

Sau khi có các quyết định giao vốn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư đã khẩn trương triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần của các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Tổng số vốn đầu tư phát triển của 03 Chương trình MTQG (bao gồm vốn NSTW và NST), đã giải ngân: 206.287 triệu đồng/365.055 triệu đồng, tỷ lệ 56,51%, bao gồm:

+ Chương trình MTQG XDNTM đã giải ngân 147.714 triệu đồng/174.490 triệu đồng, tỷ lệ 84,65%;

+ Chương trình MTQG GNBV đã giải ngân 24.849 triệu đồng/95.449 triệu đồng, tỷ lệ 26,03%;

+ Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN đã giải ngân 33.724 triệu đồng/95.116 triệu đồng, tỷ lệ 35,46%.

- Tổng số vốn sự nghiệp của 03 Chương trình MTQG, đã giải ngân 72.446 triệu đồng/137.702 triệu đồng, tỷ lệ 52,61%, bao gồm:

² - Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 về giao dự toán NSNN năm 2023 (NSTW và NST 03 CTMTQG);
- Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 (CTMTQG NTM); Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 (CTMTQG GNBV); Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 (CTMTQG DTTS&MN), phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh.

+ Chương trình MTQG XDNTM đã giải ngân 18.908 triệu đồng/29.970 triệu đồng, tỷ lệ 63,09%;

+ Chương trình MTQG GNBV đã giải ngân 18.006 triệu đồng/44.792 triệu đồng, tỷ lệ 40,2%;

+ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN đã giải ngân 35.532 triệu đồng/62.940 triệu đồng, tỷ lệ 56,45%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

1.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 85 xã đạt chỉ số 2 về giao thông (đạt tỷ lệ 75,2%); 106 xã đạt chỉ số 3 về thủy lợi (đạt tỷ lệ 93,8%); 84 xã đạt chỉ số 5 về trường học (đạt tỷ lệ 74,3%); 85 xã đạt chỉ số 6 về cơ sở vật chất văn hóa (đạt tỷ lệ 75,2%); 107 xã đạt chỉ số 8 về thông tin và truyền thông (đạt tỷ lệ 94,7%).

Đã công nhận 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022. Dự kiến trong tháng 5/2023 sẽ xét công nhận đối với 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh là 88/113 xã (đạt 77,87%), có 18/113 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 18/113 xã (đạt tỷ lệ 15,92%).

Về triển khai Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, mô hình du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp tại Làng hoa Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt mô hình thí điểm thuộc Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025³.

Về kết quả triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), trong năm 2022, đã tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh cho 84 sản phẩm OCOP cấp tỉnh (21 sản phẩm đạt 4 sao, 63 sản phẩm đạt 3 sao); nâng tổng số sản phẩm công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh là 217 sản phẩm (06 sản phẩm đạt hạng tiềm năng 5 sao, 35 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 176 sản phẩm đạt hạng 3 sao).

Về thông tin và truyền thông, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới: nhìn chung, tình hình phát triển mạng lưới viễn thông, công tác quản lý hạ tầng mạng viễn thông, internet của các bưu chính viễn thông đã đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các xã vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn đều có dịch vụ internet băng rộng tại các trung tâm xã, các điểm bưu điện văn hóa xã, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận và truy nhập internet phục vụ cho đời sống xã hội... Đến nay, toàn tỉnh có 107 xã đạt chỉ số 8 về thông tin và truyền thông

³ Quyết định số 1386/QĐ-BNN-VPĐP ngày 06/4/2023 của Bộ NN và PTNT

theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đạt tỷ lệ 94,7%).

1.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2022, UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ. Tỷ lệ nghèo đa chiều, số hộ nghèo, hộ cận nghèo được phê duyệt là cơ sở thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, làm tiêu chí nghèo đa chiều khi xem xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và các chính sách kinh tế - xã hội khác trong năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

1.3. Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN từ 3% trở lên/năm. Đến cuối năm 2022 đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có 11.491 hộ/41.903 người, chiếm khoảng 2,65% dân số toàn tỉnh, trong đó chủ yếu là 3 dân tộc Chăm, Bana, H'rê. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (so với số hộ đồng bào DTTS) cuối năm 2022 là 6.239 hộ/22.746 người, chiếm 54,29% (kết quả giảm 9,54% so với tỷ lệ nghèo cuối năm 2021 với 658 hộ dân tộc thiểu số thoát nghèo).

2. Vướng mắc, khó khăn

2.1. Vướng mắc, khó khăn chung

Trong quá trình xây dựng “*Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình theo cơ chế đặc thù*” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ gặp phải vướng mắc đó là: Tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 chỉ quy định chủ thể trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng (Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn) nhưng chưa quy định về tổ chức thực hiện, nội dung, quy trình, chi phí,... để quản lý vận hành công trình theo cơ chế đặc thù.

2.2. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Về tiêu chí quy hoạch: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 đến nay đã hết thời kỳ quy hoạch; các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 hầu hết đang triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 hoặc chỉ thực hiện điều chỉnh quy hoạch, dẫn đến khó khăn trong triển khai lập kế hoạch xây dựng nông thôn mới trung hạn 2021-2025 và hàng năm của các xã.

- Về giao thông: Các tuyến đường thôn, liên thôn một số địa phương chưa quan tâm mở rộng nền đường mà chủ yếu thảm nhựa hoặc bê tông trên nền hiện có; công tác bảo trì các tuyến đường hầu hết chưa được các địa phương quan tâm thực hiện.

- Về cơ sở hạ tầng thương mại: Các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao đều có xây dựng chợ; tuy nhiên một số chợ có cơ sở vật chất chưa đảm bảo đáp ứng theo quy định của tiêu chí về chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

- Về thu nhập: Quy định mức đạt chuẩn tiêu chí thu nhập tăng mỗi năm là 4 triệu đồng; do vậy các xã hiện nay có mức thu nhập tương đương với ngưỡng quy định, nếu không có giải pháp cụ thể thì rất khó để duy trì đạt tiêu chí thu nhập.

2.3. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Một số nội dung để thực hiện Dự án 2, Dự án 3, Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa được Trung ương quy định, hướng dẫn, đó là:

- Người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) chưa được làm rõ để xác định “không có sinh kế ổn định” ở Dự án 2, Tiểu dự án 1, Dự án 3;

- Quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi (khoản 5, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng (khoản 5, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình (UBND tỉnh).

- Chưa có văn bản quy định “Người lao động có thu nhập thấp”, vì vậy các địa phương không có cơ sở triển khai tuyển sinh đào tạo nghề;

- “Người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp” chưa có văn bản hướng dẫn nội dung chi hỗ trợ đào tạo nghề.

- Chưa có hướng dẫn thực hiện nội dung “Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác” theo Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, các địa phương không có cơ sở để triển khai thực hiện nguồn kinh phí đã phân bổ.

- Chưa có hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công tác thu thập thông tin về người lao động theo mẫu số 03 Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.4. Đối với Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

- Đối với Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Các địa phương không triển khai thực hiện được nội dung này, vì đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ có thu hồi vốn và không được hưởng các chính sách khác của Chương trình;

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương

trình. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN, phân vốn đầu tư phát triển, Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể, nên các địa phương không có cơ sở triển khai thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị chung

a) Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình MTQG theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện (theo đó quy định: Căn cứ, trình tự để lập kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG hàng năm thực hiện theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).

b) Kính đề nghị Bộ Xây dựng sớm ban hành hướng dẫn Quy trình, nội dung, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù (khoản 3 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP). Đồng thời, ban hành quy định về tổ chức thực hiện, nội dung, quy trình, chi phí,... để quản lý vận hành công trình theo cơ chế đặc thù vì chỉ quy định chủ thể trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng (Ban quản lý xã hoặc Ban phát triển thôn) tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

c) Kính đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính sớm phân bổ nguồn vốn Ngân sách Trung ương để địa phương tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo đúng tiến độ.

2. Đối với Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

a) Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc có văn bản hướng dẫn cụ thể và công nhận thôn, xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi đối với thôn, xã không thuộc địa bàn ĐBKK nhưng đáp ứng đủ tiêu chí 15% hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc quan tâm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ bổ sung đối tượng thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I từ năm 2021 – 2025.

c) Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành nội dung tài liệu đào tạo của Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện;

d) Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét cho phép điều chỉnh nguồn sự nghiệp kinh tế cấp năm 2023 của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù sang thực hiện nội dung khác phù hợp với điều kiện của địa phương, vì Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 trên địa bàn tỉnh không thực hiện được (*Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có Văn bản số 2386/UBND-TH ngày 19/4/2023 về việc đề nghị điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định*)

đ) Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban Dân tộc sớm có hướng dẫn thực hiện phần vốn đầu tư phát triển của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

3. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Kính đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quan tâm:

a) Xem xét có hướng dẫn cụ thể về: “Người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)”; “Người lao động có thu nhập thấp” để địa phương có cơ sở thực hiện.

b) Xem xét có hướng dẫn cụ thể về công tác thu thập thông tin về người lao động theo mẫu số 03 Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

c) Quan tâm phối hợp với Bộ Tài chính xem xét có quy định chi hỗ trợ đào tạo nghề cho “Người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp” theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, có hướng dẫn cụ thể về nội dung và mức chi phát triển chương trình, học liệu đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng.

4. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan cần có hướng dẫn cụ thể đối với một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, như: tiêu chí Y tế; nội dung 12.3, thuộc tiêu chí 12 - Lao động (Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao), nội dung 19.2, thuộc tiêu chí Quốc phòng và An ninh và đề xuất lộ trình áp dụng thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho phù hợp, vì một số tiêu chí chưa thể áp dụng đánh giá tại thời điểm hiện tại, như: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ); tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng...

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo và đề nghị các Bộ, ngành Trung ương có liên quan nêu trên quan tâm, có biện pháp hỗ trợ tháo gỡ cho địa phương./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K19, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh